

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25-8-2020; V/v: Ly hôn, tranh
chấp nuôi con giữa anh Nguyễn Văn Q
và chị Đinh Thị T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ông Ngọc Lễ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Xuân Thu

Ông Cao Xuân Chiến

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thị Mừng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 130/2020/ TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Q; sinh năm 1977; cư trú tại: xóm 22, xã G, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định “vắng mặt”

Bị đơn: Chị Đinh Thị T; sinh năm 1982; cư trú tại: xóm 16, xã Gi, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16-6-2020, bản tự khai ngày 08-7-2020 và các văn bản làm việc khác nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày: Anh và chị Đinh Thị T tự nguyện tìm hiểu, được UBND xã G, huyện Giao Thủy cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 01-12-2000. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm yêu thương và không thể chung sống với nhau được nữa, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đinh Thị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đức H, sinh ngày 27 tháng 8 năm 2001 và Nguyễn Thị Mai C, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2003. Nay cháu H đã trưởng thành, lao động tự lập được; còn cháu C đang ở cùng chị T anh để chị T tiếp tục nuôi con.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ và ruộng nhận khoán hợp tác xã, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08 tháng 7 năm 2020 và tại các văn bản làm việc khác bị đơn là chị Đỗ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện tìm hiểu, được UBND xã G, huyện Giao Thủy cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 01-12-2000. Vợ chồng mâu thuẫn là do không tìm được tiếng nói chung luôn bất đồng quan điểm sống, nên đã sống ly thân 10 năm nay. Nay anh Q có đơn ly hôn chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, nhưng vì chị là người theo đạo công giáo không được phép ly hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đức H sinh ngày 27 tháng 8 năm 2001 và Nguyễn Thị Mai C sinh ngày 18 tháng 8 năm 2003. Cháu H đã trưởng thành, lao động tự lập được còn cháu M hiện nay đang ở cùng chị, chị nhận tiếp tục cháu M đến tuổi trưởng thành lao động tự lập được, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ và ruộng nhận khoán hợp tác xã, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22 tháng 7 năm 2020 cháu Nguyễn Thị Mai C có nguyện vọng ở với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét thấy nội dung nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, về nuôi con chung đối với chị Đinh Thị T; Địa chỉ nơi cư trú: Xóm 22, xã G, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định. Anh Nguyễn Văn Q và chị Đinh Thị T xin vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Q và chị Đinh Thị T tự nguyện tìm hiểu, được UBND xã G, huyện Giao Thủy cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01-12-2000 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống thực sự hạnh phúc được khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên đã sống ly thân từ năm

2011 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh Q đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng vì theo đạo thiên chúa giáo nên không được phép ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Xét thấy mâu thuẫn giữa anh Q và chị T đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chấp nhận nguyện vọng của anh Q xin ly hôn chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Đức H sinh ngày 27 tháng 8 năm 2001 và Nguyễn Thị Mai C sinh ngày 18 tháng 8 năm 2003.

Nay cháu Hải đã trưởng thành lao động tự lập được nên không phải xem xét; còn cháu C chưa thành niên hiện đang ở với mẹ, chị Tươi có nguyện vọng tiếp tục nuôi cháu C, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng, anh Q và cháu C cũng hoàn toàn nhất trí với nguyện vọng của chị T.

Xét nguyện vọng của các bên đương sự về việc nuôi con là tự nguyện, phù hợp với thực tế và phù hợp pháp luật cần được chấp nhận. Vì vậy nay giao chị T tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị Mai C sinh ngày 18 tháng 8 năm 2003 là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, anh Quang không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, các mối quan hệ khác về tài sản và ruộng khoán của hợp tác xã: anh Q, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử lý hôn giữa: Anh Nguyễn Văn Q và chị Đinh Thị T.

2. Về con chung: Giao chị T tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thị Mai C sinh ngày 18 tháng 8 năm 2003 đến tuổi trưởng thành lao động tự lập được, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn: Anh Nguyễn Văn Q phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh Q đã nộp theo biên lai thu số 0001289 ngày 18-6-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy (anh Q đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo: Anh Q, chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ông Ngọc Lễ

